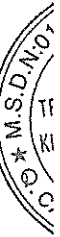


CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 45

20
Ô
HN
TO
V
/

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Cotana (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đào Ngọc Thanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Phó Chủ tịch
Bà Đào Thu Thủy	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Năm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16/04/2019)
Ông Hán Công Khanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16/04/2019)
Ông Đoàn Văn Tuấn	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Đoàn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Minh Hằng	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Phó Tổng giám đốc kinh tế
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc phụ trách nhân sự
Ông Bùi Minh Trường	Phó Tổng giám đốc (bãi nhiệm ngày 09/05/2019)
Ông Trần Quang Quyền	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/01/2019)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA



Đinh Thị Minh Hằng

Phó Tổng giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 04/2019/UQ-CNG ngày 02/01/2019)

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2019



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số: 488 -19/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Tập đoàn Cotana

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Tập đoàn Cotana (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 08 năm 2019, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ngô Bá Duy

Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1107-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		389.091.328.264	457.889.613.059
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	17.921.044.404	96.637.336.395
1. Tiền	111		17.921.044.404	26.208.980.552
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	70.428.355.843
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	25.000.016.200	25.000.016.200
1. Chứng khoán kinh doanh	121		60.428	60.428
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(44.228)	(44.228)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		25.000.000.000	25.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		320.623.095.399	318.372.184.027
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	259.115.102.026	265.760.553.980
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	11.720.481.379	4.767.357.336
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	57.550.412.721	55.607.173.438
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.762.900.727)	(7.762.900.727)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	25.321.142.719	17.618.604.168
1. Hàng tồn kho	141		25.321.142.719	17.618.604.168
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		226.029.542	261.472.269
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9.	-	35.442.727
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	226.029.542	226.029.542
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		168.080.606.460	116.135.026.919
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.390.990.438	1.390.990.438
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	1.390.990.438	1.390.990.438
II. Tài sản cố định	220		42.699.237.834	44.261.442.513
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	39.545.737.835	41.107.942.514
- Nguyên giá	222		65.626.844.167	65.596.844.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.081.106.332)	(24.488.901.653)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11.	3.153.499.999	3.153.499.999
- Nguyên giá	228		3.211.243.989	3.211.243.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(57.743.990)	(57.743.990)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8.	12.997.451.741	12.997.451.741
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12.997.451.741	12.997.451.741
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	107.860.516.906	53.727.646.190
1. Đầu tư vào công ty con	251		93.892.453.495	39.518.925.501
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.163.778.500	13.163.778.500
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.590.377.888	9.690.377.888
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.626.092.977)	(9.485.435.699)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		840.000.000	840.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.132.409.541	3.757.496.037
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	3.132.409.541	3.757.496.037
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		557.171.934.724	574.024.639.978

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		300.962.642.252	327.567.643.832
I. Nợ ngắn hạn	310		245.630.180.487	288.306.019.137
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	96.344.653.500	125.827.685.739
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	2.994.683.045	28.742.598
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	4.486.110.235	13.334.179.055
4. Phải trả người lao động	314		11.503.687.149	19.027.845.703
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	7.848.034.982	15.272.816.855
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.	221.596.573	95.908.938
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	52.301.405.452	54.742.168.066
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18.	66.852.613.942	57.431.243.188
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.077.395.609	2.545.428.995
II. Nợ dài hạn	330		55.332.461.765	39.261.624.695
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17.	21.472.360.572	21.693.243.056
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.	12.093.478.797	12.117.022.218
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18.	21.766.622.396	5.451.359.421
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		256.209.292.472	246.456.996.146
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	256.209.292.472	246.456.996.146
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		205.000.000.000	205.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		205.000.000.000	205.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		511.034.891	651.034.891
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.882.569.627	4.267.047.079
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.815.687.954	36.538.914.176
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.809.069.080	20.456.528.983
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		33.006.618.874	16.082.385.193
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		557.171.934.724	574.024.639.978

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2019

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Oanh



Trần Trọng Đại



Đinh Thị Minh Hằng

(Theo giấy ủy quyền số 04/2019/UQ-CNG)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	170.822.665.489	105.495.984.364
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		170.822.665.489	105.495.984.364
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	157.041.377.576	101.898.725.560
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13.781.287.913	3.597.258.804
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	31.547.182.738	168.956.354.393
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	3.409.849.449	6.532.365.177
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.211.193.324	2.564.818.224
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	7.978.197.815	14.275.431.732
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		33.940.423.387	151.745.816.288
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	87.990	123.486
12. Chi phí khác	32	VI.6.	-	100.561.208
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		87.990	(100.437.722)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		33.940.511.377	151.645.378.566
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	933.892.503	31.902.536.885
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		33.006.618.874	119.742.841.681

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2019

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Oanh

Trần Trọng Đại



Phó Tổng giám đốc
Đinh Thị Minh Hằng

(Theo giấy ủy quyền số 04/2019/UQ-CNG)

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.940.511.377	151.645.378.566
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.592.204.679	1.518.323.476
- Các khoản dự phòng	03		140.657.278	8.738.644.194
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31.490.426.891)	(168.956.354.393)
- Chi phí lãi vay	06		3.211.193.324	2.564.818.224
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.394.139.767	(4.489.189.933)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(254.746.145)	(4.424.084.085)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.702.538.551)	(36.940.360.701)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(46.715.652.638)	24.340.704.258
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		660.529.223	659.685.928
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.085.466.635)	(1.775.899.910)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.037.114.184)	(182.587.601)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.222.355.934)	(369.169.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(58.963.205.097)	(23.180.901.044)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(30.000.000)	(277.990.909)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(54.373.527.994)	(3.237.500.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		43.244.153	172.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		29.551.017.511	2.138.693.376
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.809.266.330)	171.123.202.467
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		132.616.288.072	39.576.122.668
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(107.097.521.536)	(57.135.478.716)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.462.587.100)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.056.179.436	(27.559.356.048)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(tiếp theo)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(78.716.291.991)	120.382.945.375
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	96.637.336.395	48.136.995.085
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1. 17.921.044.404	168.519.940.460

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2019

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Oanh

Trần Trọng Đại



Đinh Thị Minh Hằng

(Theo giấy ủy quyền số 04/2019/UQ-CNG)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng Thành Nam được thành lập ngày 01/06/1993 theo Quyết định số 2162/QĐ-UB của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội, sau đó được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003621 ngày 04/02/2004 (đăng ký lần đầu) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 31/8/2017, Công ty đổi tên thành Công ty CP Tập đoàn Cotana theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ-CNG của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam. Công ty có 19 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101482984 thay đổi lần thứ 19 ngày 01/02/2019 về tăng vốn điều lệ và tổng số cổ phần lưu hành thì vốn điều lệ của Công ty là **205.000.000.000 đồng** (Hai trăm linh năm tỷ đồng), tổng số cổ phần lưu hành là 20.500.000 cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là CSC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa; Kinh doanh bất động sản;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt điện nước, điện lạnh, trang trí nội ngoại thất công trình;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Trụ sở Công ty tại: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Mẫu số B09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	58,16%	58,16%	58,16%
2.	Công ty CP Xây dựng Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	60,18%	60,18%	60,18%
3.	Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana (đổi tên từ Công ty CP Tư vấn xây dựng Nam Thành Đô) (*)	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	51%	51%	51%
4.	Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	53,30%	53,30%	53,30%
5.	Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản COTANA CAPITAL	Tầng 6 - Tòa nhà HCC - Số 28 Lý Thường Kiệt, Phường Vĩnh Ninh, Thành phố Huế, Thừa Thiên Huế	74,1%	74,1%	74,1%

(*) Đổi tên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101481701 thay đổi lần thứ 7 ngày 11/03/2019.

Danh sách các công ty liên kết:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1.	Công ty TNHH Kính Thành Nam	KCN Tiên Sơn, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	25,9%	25,9%	25,9%
2.	Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	25%	25%	25%
3.	Công ty ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	46,0%	46,0%	46,0%
4.	Công ty TNHH BMS Thành Nam	Cụm CN Ngọc Liệp, xã Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	25%	25%	25%
5.	Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	20,7%	20,7%	20,7%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:

- Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana.
Địa chỉ: 356/8 Bạch Đằng, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở, mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập là báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của văn phòng Công ty chưa bao gồm số liệu của chi nhánh Công ty. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (như chi tiết tại Thuyết minh số I.5) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- + Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- + Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, Công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do chủ nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ và lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***Loại tài sản cố định****Thời gian khấu hao <năm>**

- Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 49
- Máy móc thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải	06 - 07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
- Tài sản cố định khác	03

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định vô hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và quyền sử dụng đất không thời hạn.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Riêng quyền sử dụng đất không xác định thời gian sử dụng không được trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí mua nhà tại khu Viglacera được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: các khoản chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí bảo hiểm chờ phân bổ.

Mẫu số B09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

Chi phí bảo hiểm: Chi phí bảo hiểm được ghi nhận theo giá trị ghi trên hợp đồng kinh tế, các chứng từ liên quan và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của từng hợp đồng bảo hiểm.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước khối lượng hoàn thành và chi phí lãi vay phải trả, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty trong kỳ kế toán là khoản doanh thu nhận trước tiền của khách hàng đã ứng trước cho một hoặc nhiều kỳ về thuê văn phòng tại tòa nhà Cotana, Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội cổ đông phê duyệt.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây dựng, cho thuê thiết bị, văn phòng, doanh thu cung cấp dịch vụ khác và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, cổ tức.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

Mẫu số B09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

- + Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- + Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- + Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào Chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu từ chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận trên giá bán trừ đi giá gốc và các chi phí khác nếu có.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính và các chi phí tài chính khác.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

20
Ôr
H NH
TOÁ
IÊ
/A/

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền	17.921.044.404	26.208.980.552
Tiền mặt	411.017.982	162.023.940
Tiền gửi ngân hàng	17.510.026.422	26.046.956.612
Các khoản tương đương tiền	-	70.428.355.843
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	70.428.355.843
Cộng	17.921.044.404	96.637.336.395

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính
a) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2019			01/01/2019			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Tổng giá trị cổ phiếu	60.428	16.200	44.228	60.428	16.200	44.228	
GTA: Công ty CP Chế biến gỗ Thuận An	60.428	16.200	44.228	60.428	16.200	44.228	
Cộng	60.428	16.200	44.228	60.428	16.200	44.228	

- b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2019		01/01/2019		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
b1) Ngắn hạn					
Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
b2) Dài hạn					
Trái phiếu có kỳ hạn 7 năm	840.000.000	840.000.000	840.000.000	840.000.000	840.000.000
Cộng	25.840.000.000	25.840.000.000	25.840.000.000	25.840.000.000	25.840.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	93.892.453.495	7.737.671.681	39.518.925.501	7.686.704.347
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	4.947.820.332	4.813.399.325	4.947.820.332	4.880.065.544
Công ty CP Xây dựng Cotana	2.605.616.051	2.605.616.051	2.605.616.051	2.605.616.051
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana (đổi tên từ Công ty CP Tư vấn xây dựng Nam Thành Đô)	4.335.000.000	-	3.366.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản COTANA CAPITAL	78.500.000.000	318.656.305	25.095.472.006	201.022.752
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	3.504.017.112	-	3.504.017.112	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	13.163.778.500	1.477.376.077	13.163.778.500	1.477.376.077
Công ty TNHH Kính Thành Nam	2.070.000.000	-	2.070.000.000	-
Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	400.000.000	-	400.000.000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	5.781.900.000	-	5.781.900.000	-
Công ty TNHH BMS Thành Nam	4.311.878.500	1.477.376.077	4.311.878.500	1.477.376.077
Công ty CP Kiến trúc và Cảnh quan Cotana Green	600.000.000	-	600.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	9.590.377.888	411.045.219	9.690.377.888	321.355.275
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Kinh Đô	59.360.200	-	59.360.200	-
Công ty CP Đầu tư xuất nhập khẩu Thành Nam	550.000.000	46.694.930	550.000.000	46.694.930
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển bất động sản Hudland (*)	3.147.000.000	-	3.147.000.000	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng ICC BIG	534.017.688	-	534.017.688	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Công ty CP Hudland Thương mại và Dịch vụ	500.000.000	-	500.000.000	-
Công ty CP Capella Việt Nam	500.000.000	274.660.345	500.000.000	274.660.345
Công ty CP ECO Văn Phong	-	-	100.000.000	-
Công ty CP Đầu tư King's Land	2.500.000.000	89.689.944	2.500.000.000	-
Công ty CP Western River	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-
Cộng	116.646.609.883	9.626.092.977	62.373.081.889	9.485.435.699

Tại thời điểm 30/06/2019, Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 do không có giá giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Các Công ty con, Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty con và công ty liên kết trong kỳ

- Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana: Thi công công trình và cho thuê văn phòng.
- Công ty CP Xây dựng Cotana: Giao dịch chủ yếu là thi công công trình.
- Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana (đổi tên từ Công ty CP Tư vấn xây dựng Nam Thành Đô): Giao dịch chủ yếu là thuê dịch vụ.
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital: Không phát sinh giao dịch. Trong năm, Công ty đã tăng vốn vào Công ty con này.
- Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana: Giao dịch chủ yếu là thi công công trình.
- Công ty TNHH Kính Thành Nam: Không phát sinh giao dịch.
- Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam: Giao dịch chủ yếu là thuê dịch vụ.
- Công ty TNHH BMS Thành Nam: Giao dịch chủ yếu là thuê dịch vụ.
- Công ty CP Kiến trúc và Cảnh quan Cotana Green: Giao dịch chủ yếu là thuê dịch vụ.

Thông tin bổ sung khác

(*) Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư phát triển Bất động sản Hudland gồm 60.000.000 VND là của Công ty CP Tập đoàn Cotana và 3.087.000.000 VND là của Ông Đào Ngọc Thanh theo Ủy quyền ngày 10/10/2014 của Ông Đào Ngọc Thanh cho Công ty CP Tập đoàn Cotana đứng tên.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Hà Nội	59.947.783.123	-	74.027.979.188	-
Công ty CP Tập đoàn Ecopark	51.062.486.742	-	64.692.310.997	-
Công ty CP Tập đoàn TELIN	39.998.523.360	-	22.932.626.800	-
Các đối tượng khác	108.106.308.801	7.762.900.727	104.107.636.995	7.762.900.727
Cộng	259.115.102.026	7.762.900.727	265.760.553.980	7.762.900.727

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**4. Trả trước cho người bán**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty TNHH Kinh doanh vật tư và Vận chuyển Hà Trang	3.674.257.321	3.674.257.321
Công ty CP Xây dựng Cotana	3.435.452.764	-
Công ty CP Xây lắp sản xuất và Thương mại LTC	2.456.271.460	-
Các đối tượng khác	2.154.499.834	1.093.100.015
Cộng	11.720.481.379	4.767.357.336

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**5. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Phải thu khác	48.454.486.287	-	46.851.129.889	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển BB (*)	18.929.875.000	-	18.929.875.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển DB (*)	12.858.125.000	-	12.858.125.000	-
Công ty CP Xây dựng Kiều Lê (**)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana	6.773.318.042	-	6.757.318.042	-
Các đối tượng khác	4.893.168.245	-	3.305.811.847	-
Tạm ứng	8.095.235.571	-	7.984.074.295	-
Nguyễn Công Hiền	6.757.050.000	-	6.757.050.000	-
Các đối tượng khác	1.338.185.571	-	1.227.024.295	-
Ký quỹ bảo lãnh	250.690.863	-	20.000.000	-
Dư nợ TK 3383	-	-	1.969.254	-
Dư nợ TK 3388	750.000.000	-	750.000.000	-
Nguyễn Việt Anh	500.000.000	-	500.000.000	-
Đào Tuyết Trinh	250.000.000	-	250.000.000	-
b) Dài hạn	1.390.990.438	-	1.390.990.438	-
Phải thu khác	1.186.990.438	-	1.186.990.438	-
Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera	1.186.990.438	-	1.186.990.438	-
Ký cược, ký quỹ	204.000.000	-	204.000.000	-
Cộng	57.550.412.721	-	55.607.173.438	-

(*) Khoản phải thu Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển BB và Công ty TNHH MTV Đầu tư và phát triển DB về chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần Comaland đầu tư và phát triển bất động sản mà Công ty CP Tập đoàn Cotana đã được các cá nhân ủy thác đầu tư và chuyển nhượng vốn góp đầu tư tại Công ty CP Comaland đầu tư và phát triển bất động sản. Tại thời điểm 30/06/2019, Công ty chưa thu hồi được khoản chuyển nhượng vốn góp này để trả cho các nhà đầu tư cá nhân đã ủy thác.

(**) Đây là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng Kiều Lê để thực hiện dự án khu nhà ở Kiều Lê theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 113/2018/HĐHT/Kieule - Cotana ngày 20/04/2018.

c) **Phải thu khác là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu khách hàng				
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Cotaland	8.645.660.891	6.051.962.624	8.645.660.891	6.051.962.624

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD1	527.666.305	-	527.666.305	-
Công ty CP Xây dựng số 2	1.703.957.954	-	1.703.957.954	-
Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và Đô thị	13.353.370.705	11.693.701.705	13.353.370.705	11.693.701.705
Công ty TNHH NN MTV - Dịch vụ nhà ở và Khu đô thị	286.082.004	-	286.082.004	-
Cục thuế tỉnh Yên Bái	594.398.791	-	594.398.791	-
Các đối tượng khác	431.793.406	34.365.000	431.793.406	34.365.000
Cộng	25.542.930.056	17.780.029.329	25.542.930.056	17.780.029.329

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	25.321.142.719	-	17.618.604.168	-
Cộng	25.321.142.719	-	17.618.604.168	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hạng mục thi công phần thân xây thô trát ngoài tại 622 Minh Khai, hạng mục thi công phần thô, hoàn thiện và cơ điện nhà CLB 1C, thi công cảnh quan ngoài nhà chung cư cao tầng Westbay,... và các công trình do Công ty làm nhà thầu xây dựng.

8. Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Mua nhà tại dự án Viglacera	12.997.451.741	12.997.451.741
Cộng	12.997.451.741	12.997.451.741

9. Chi phí trả trước

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	-	35.442.727
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	3.132.409.541	3.757.496.037
Cộng	3.132.409.541	3.792.938.764

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2019	41.691.975.460	12.035.405.790	9.338.848.949	1.241.613.968	1.289.000.000		65.596.844.167
Mua trong kỳ	-	-	30.000.000	-	-		30.000.000
Số dư ngày 30/06/2019	41.691.975.460	12.035.405.790	9.368.848.949	1.241.613.968	1.289.000.000		65.626.844.167
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2019	8.688.672.231	9.190.827.386	4.136.285.453	1.184.116.583	1.289.000.000		24.488.901.653
Khấu hao trong kỳ	608.528.949	340.029.812	623.370.766	20.275.152	-		1.592.204.679
Số dư ngày 30/06/2019	9.297.201.180	9.530.857.198	4.759.656.219	1.204.391.735	1.289.000.000		26.081.106.332
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2019	33.003.303.229	2.844.578.404	5.202.563.496	57.497.385	-		41.107.942.514
Tại ngày 30/06/2019	32.394.774.280	2.504.548.592	4.609.192.730	37.222.233	-		39.545.737.835

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 29.833.165.812 VND (tại ngày 31/12/2018 là 34.478.193.888 VND)

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.919.306.199 VND (tại ngày 31/12/2018 là 10.919.306.199 VND)

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

11. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2019	3.153.499.999	57.743.990	3.211.243.989
Số dư ngày 30/06/2019	3.153.499.999	57.743.990	3.211.243.989
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2019	-	57.743.990	57.743.990
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2019	-	57.743.990	57.743.990
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	3.153.499.999	-	3.153.499.999
Tại ngày 30/06/2019	3.153.499.999	-	3.153.499.999

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.153.499.999 VND (tại ngày 31/12/2018 là 3.153.499.999 VND)

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 57.743.990 VND (tại ngày 31/12/2018 là 57.743.990 VND)

12. Phải trả người bán

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại vận tải Chính Hưng	16.303.218.276	16.303.218.276	17.528.946.637	17.528.946.637
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	13.933.669.044	13.933.669.044	16.877.173.991	16.877.173.991
Công ty TNHH Việt Đức	10.167.448.402	10.167.448.402	6.688.118.402	6.688.118.402
Các đối tượng khác	55.940.317.778	55.940.317.778	84.733.446.709	84.733.446.709
Cộng	96.344.653.500	96.344.653.500	125.827.685.739	125.827.685.739

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

13. Người mua trả tiền trước

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Cục thuế tỉnh Hải Dương	2.962.953.400	-
Các đối tượng khác	31.729.645	28.742.598
Cộng	2.994.683.045	28.742.598

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2019
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	5.788.910.701	4.106.100.507	7.548.548.049	2.346.463.159
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.890.148.098	933.892.503	7.037.114.184	786.926.417
Thuế thu nhập cá nhân	655.120.256	1.528.178.239	830.577.836	1.352.720.659
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	13.334.179.055	6.571.171.249	15.419.240.069	4.486.110.235
b) Phải thu				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	226.029.542	164.099.760	164.099.760	226.029.542
Cộng	226.029.542	164.099.760	164.099.760	226.029.542

15. Chi phí phải trả

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước khối lượng công trình hoàn thành	7.782.499.515	15.233.943.841
Trích trước chi phí lãi vay	65.535.467	38.873.014
Cộng	7.848.034.982	15.272.816.855

16. Phải trả khác

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	52.301.405.452	54.742.168.066
Kinh phí công đoàn	66.471.524	70.826.596
Bảo hiểm xã hội	94.892.010	-
Bảo hiểm y tế	50.784.092	-
Bảo hiểm thất nghiệp	22.570.708	-

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Dư có TK 141	7.277.154.798	11.743.602.424
<i>Xi nghiệp Xây dựng số 2</i>	3.713.609.663	3.713.609.663
<i>Xi nghiệp 10</i>	2.840.966.793	7.241.642.503
<i>Các đối tượng khác</i>	722.578.342	788.350.258
Phải trả khác	44.789.532.320	42.927.739.046
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital</i>	-	8.200.000.000
<i>Phạm Mạnh Long (1)</i>	25.804.500.000	25.804.500.000
<i>Lê Thị Vân Anh (1)</i>	5.983.500.000	5.983.500.000
<i>Các đối tượng khác</i>	13.001.532.320	2.939.739.046
b) Dài hạn	12.093.478.797	12.117.022.218
Đào Ngọc Thanh (2)	10.058.816.484	10.058.816.484
Đặng Thu Vịnh	94.721.170	94.721.170
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Thành Nam	204.000.000	227.543.421
Khách hàng của Sản bất động sản Thành Nam	1.235.941.143	1.235.941.143
Nguyễn Nam Cường	500.000.000	500.000.000
Cộng	64.394.884.249	66.859.190.284

(1) Là khoản phải trả các cá nhân tiền chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Comaland Đầu tư và Phát triển bất động sản mà các cá nhân đã ủy thác cho Công ty CP Tập đoàn Cotana góp vốn và chuyển nhượng vốn tại Công ty CP Comaland Đầu tư và Phát triển bất động sản.

(2) Khoản phải trả Ông Đào Ngọc Thanh phản ánh số tiền mà ông Đào Ngọc Thanh đã ủy thác để Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (đã đổi tên thành Công ty CP Tập đoàn Cotana) đầu tư vào cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland và các khoản đầu tư vào các dự án của Công ty.

17. Doanh thu chưa thực hiện	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	221.596.573	95.908.938
Tiền thuê văn phòng nhận trước	221.596.573	95.908.938
<i>Các đối tượng khác</i>	221.596.573	95.908.938
b) Dài hạn	21.472.360.572	21.693.243.056
Tiền thuê văn phòng nhận trước	21.472.360.572	21.693.243.056
<i>Đỗ Văn Bình</i>	3.296.839.721	3.338.571.869
<i>Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana (đổi tên từ Công ty CP Tư vấn xây dựng Nam Thành Đô)</i>	1.977.321.387	2.002.999.387
<i>Công ty CP Xây dựng Cotana</i>	1.262.419.453	1.278.814.509
<i>Công ty CP Đầu tư xuất nhập khẩu Thành Nam</i>	4.012.632.637	4.063.854.637
<i>Công ty CP Đầu tư Landcom</i>	1.286.036.884	1.302.315.832
<i>Công ty TNHH Công nghệ hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng</i>	4.899.210.000	4.919.368.000
<i>Công ty CP Đầu tư xây dựng ICC BIG</i>	2.551.785.765	2.573.129.299
<i>Các đối tượng khác</i>	2.186.114.725	2.214.189.523
Cộng	21.693.957.145	21.789.151.994

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CCSA Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2019		Trong kỳ		01/01/2019		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	66.852.613.942	66.852.613.942	115.967.592.777	106.546.222.023	57.431.243.188	57.431.243.188	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>59.801.113.946</i>	<i>59.801.113.946</i>	<i>97.827.592.781</i>	<i>95.109.722.025</i>	<i>57.083.243.190</i>	<i>57.083.243.190</i>	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (1)	59.801.113.946	59.801.113.946	93.178.439.381	79.782.370.072	46.405.044.637	46.405.044.637	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính	-	-	4.649.153.400	15.327.351.953	10.678.198.553	10.678.198.553	
<i>Vay ngắn hạn cá nhân (5)</i>	<i>6.700.000.000</i>	<i>6.700.000.000</i>	<i>17.800.000.000</i>	<i>11.100.000.000</i>	-	-	
Đào Thị Hòa	-	-	9.100.000.000	9.100.000.000	-	-	
Đình Thị Minh Hằng	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-	
Trần Trọng Đại	4.200.000.000	4.200.000.000	6.200.000.000	2.000.000.000	-	-	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>351.499.996</i>	<i>351.499.996</i>	<i>339.999.996</i>	<i>336.499.998</i>	<i>347.999.998</i>	<i>347.999.998</i>	
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long (2)	11.500.000	11.500.000	-	166.500.000	178.000.000	178.000.000	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội (3)	339.999.996	339.999.996	339.999.996	169.999.998	169.999.998	169.999.998	

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Địa chỉ: Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

b) Vay dài hạn	21.766.622.396	21.766.622.396	17.218.062.484	902.799.509	5.451.359.421	5.451.359.421
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>2.606.550.012</i>	<i>2.606.550.012</i>	-	<i>558.099.996</i>	<i>3.164.650.008</i>	<i>3.164.650.008</i>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội (3)	680.000.012	680.000.012	-	339.999.996	1.020.000.008	1.020.000.008
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long (4)	1.926.550.000	1.926.550.000	-	218.100.000	2.144.650.000	2.144.650.000
<i>Vay dài hạn cá nhân (5)</i>	<i>14.090.209.370</i>	<i>14.090.209.370</i>	<i>12.128.199.470</i>	<i>324.699.513</i>	<i>2.286.709.413</i>	<i>2.286.709.413</i>
Đặng Thị Lê Anh	696.334.569	696.334.569	26.862.784	1.343.140	670.814.925	670.814.925
Đình Thị Minh Hằng	41.088.735	41.088.735	1.585.097	79.255	39.582.893	39.582.893
Đào Ngọc Thanh	3.574.367.055	3.574.367.055	3.402.663.490	321.775.648	493.479.213	493.479.213
Lương Ngọc Huyền	778.419.011	778.419.011	30.029.389	1.501.470	749.891.092	749.891.092
Đặng Thu Vịnh	9.000.000.000	9.000.000.000	8.667.058.710	-	332.941.290	332.941.290
<i>Vay tổ chức dài hạn</i>	<i>5.069.863.014</i>	<i>5.069.863.014</i>	<i>5.089.863.014</i>	<i>20.000.000</i>	-	-
Quỹ hỗ trợ sinh viên tài năng ngành xây dựng (6)	5.069.863.014	5.069.863.014	5.089.863.014	20.000.000	-	-
Tổng cộng	88.619.236.338	88.619.236.338	133.185.655.261	107.449.021.532	62.882.602.609	62.882.602.609

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/1654947/HĐTD ngày 09/07/2018 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội có hạn mức tín dụng 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng). Lãi suất và thời hạn được quy định theo từng lần khế ước. Tài sản bảo đảm của khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Lô CC5A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động.

(2) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 110.14.068.306488.TD ngày 17/06/2014 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana và Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long. Lãi suất được quy định theo từng lần khế ước. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là mua xe ô tô Toyota Fortuner 2.7 và được đảm bảo bằng chính xe ô tô đó.

(3) Khoản vay theo hợp đồng cho vay số 1110/2017/HĐTD/TTBMB/01 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội. Khoản vay với số tiền 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng), lãi suất 7,8%/năm với mục đích mua xe ô tô For Explorer và được đảm bảo bằng chính xe ô tô đó. Thời hạn vay 60 tháng.

(4) Khoản vay theo hợp đồng cho vay số 954/2018/HĐTD/LDM/01 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long. Khoản vay với số tiền 2.181.000.000 đồng lãi suất 8,9%/năm với mục đích mua xe ô tô Kia Sedona; xe ô tô Samco Felix và được đảm bảo bằng chính xe ô tô đó. Thời hạn vay 60 tháng.

(5) Các khoản vay của các cá nhân có kỳ hạn và lãi suất được quy định cụ thể trên từng hợp đồng. Mục đích của các khoản vay là để bổ sung vốn lưu động và không có tài sản đảm bảo.

(6) Khoản vay theo hợp đồng vay tiền số 01FSC/2019/HĐV-CNG ngày 09/04/2019 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana và Quỹ hỗ trợ sinh viên tài năng ngành xây dựng. Số tiền vay là 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) với lãi suất 8%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 31/12/2024. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động và không có tài sản đảm bảo.

c) Vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

19. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2018	100.000.000.000	651.034.891	23.350.359.544	124.001.394.435
Tăng vốn trong năm trước	105.000.000.000	-	(100.000.000.000)	5.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	126.149.225.480	126.149.225.480
Phân phối các quỹ	-	-	(2.960.670.848)	(2.960.670.848)
Chia cổ tức	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2018	205.000.000.000	651.034.891	36.538.914.176	242.189.949.067
Lãi trong kỳ này	-	-	33.006.618.874	33.006.618.874
Chia cổ tức	-	-	(20.500.000.000)	(20.500.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	(5.229.845.096)	(5.229.845.096)
Giảm khác (*)	-	(140.000.000)	-	(140.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2019	205.000.000.000	511.034.891	43.815.687.954	249.326.722.845

(*) Là chi phí tư vấn và chi phí kiểm toán để phát hành cổ phiếu tăng vốn.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Huỳnh Thị Mai Dung	40.410.580.000	40.410.580.000
Trần Văn Năm	14.023.680.000	14.023.680.000
Đào Ngọc Thanh	40.191.360.000	34.919.360.000
Các cổ đông khác	110.374.380.000	115.646.380.000
Cộng	205.000.000.000	205.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	205.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	205.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.500.000.000	10.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.500.000	20.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.500.000	20.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.500.000	20.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.500.000	20.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.500.000	20.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

Khoản mục	01/01/2019	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				30/06/2019
Quỹ đầu tư phát triển	4.267.047.079	2.615.522.548	-	6.882.569.627
Cộng	4.267.047.079	2.615.522.548	-	6.882.569.627

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	30/06/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại:		
USD	698,43	706,22

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.822.511.197	2.593.287.525
Doanh thu hợp đồng xây dựng	168.000.154.292	102.902.696.839
Cộng	170.822.665.489	105.495.984.364

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.680.709.684	2.491.854.454
Giá vốn hợp đồng xây dựng	155.360.667.892	99.406.871.106
Cộng	157.041.377.576	101.898.725.560

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.810.237.738	1.396.144.276
Cổ tức, lợi nhuận được chia	29.736.945.000	742.549.100
Lãi do thanh lý khoản đầu tư	-	166.817.661.017
Cộng	31.547.182.738	168.956.354.393

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí lãi vay	3.211.193.324	2.564.818.224
Trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	140.657.278	3.967.546.953
Lỗ thanh lý khoản đầu tư vào Công ty CP ECO Vân Phong	56.755.847	-
Chi phí tài chính khác	1.243.000	-
Cộng	3.409.849.449	6.532.365.177

5. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Xử lý công nợ	87.990	123.486
Cộng	87.990	123.486

6. Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi nộp phạt thuế	-	100.536.702
Chi phí khác	-	24.506
Cộng	-	100.561.208

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	5.249.829.413	5.187.189.093
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	248.412.797	302.902.668
Chi phí khấu hao TSCĐ	953.858.845	712.205.472
Thuế, phí, lệ phí	201.621.344	644.237.428
Chi phí dự phòng	-	4.771.097.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	235.696.610	275.774.287
Chi phí bằng tiền khác	1.088.778.806	2.382.025.543
Cộng	7.978.197.815	14.275.431.732

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.981.225.862	82.563.854.186
Chi phí nhân công	50.008.071.707	25.050.064.444
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.592.204.679	1.518.323.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.255.095.009	35.770.063.661
Chi phí khác bằng tiền	2.637.103.837	3.542.716.107
Cộng	172.473.701.094	148.445.021.868

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	33.940.511.377	151.645.378.566
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	29.736.945.000	742.549.100
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	465.896.136	8.609.854.961
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	4.669.462.513	159.512.684.427
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	933.892.503	31.902.536.885
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	933.892.503	31.902.536.885

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty CP Tập đoàn Cotana theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ		
- Chi phí lãi vay nhập gốc	217.867.193	842.995.237
- Lỗ thanh lý khoản đầu tư vào Công ty CP ECO Vân Phong	56.755.847	-

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	132.616.288.072	39.576.122.668
3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	107.097.521.536	57.135.478.716

VIII Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	Công ty con
Công ty CP Xây dựng Cotana	Công ty con
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana (đổi tên từ Công ty CP Tư vấn xây dựng Nam Thành Đô)	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Cotana Capital	Công ty con
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	Công ty con
Công ty TNHH Kính Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH BMS Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	Công ty liên kết
Công ty CP Tập đoàn ECOPARK (*)	Bên nhận góp vốn
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland (**)	Bên nhận góp vốn
Công ty CP Đầu tư King's Land (***)	Bên nhận góp vốn
Ông Đào Ngọc Thanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Minh Hằng	Phó Tổng giám đốc - Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc phụ trách nhân sự
Ông Trần Trọng Đại	Kế toán trưởng

(*) Ông Đào Ngọc Thanh đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn ECOPARK đến ngày 30/01/2019.

(**) Bà Đinh Thị Minh Hằng đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland.

(***) Ông Đào Ngọc Thanh đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư King's Land.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Doanh thu	28.341.700.591	34.635.372.046
Công ty CP Xây dựng Cotana	184.060.805	88.275.487
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	79.124.919	73.188.012
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana (đổi tên từ Công ty CP Tư vấn xây dựng Nam Thành Đô)	176.413.302	162.205.871
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	35.212.018	32.911.315
Công ty TNHH BMS Thành Nam	64.920.710	42.659.956
Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	553.418.233	570.867.963
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	38.014.767	24.780.711
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland	930.909.091	-
Công ty CP Tập đoàn ECOPARK	26.279.626.746	33.343.857.166
Công ty CP Đầu tư King's Land	-	296.625.565
Mua hàng	15.472.662.050	24.633.966.497
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	11.206.966.402	24.393.640.072
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	580.925.125	12.326.185
Công ty CP Xây dựng Cotana	3.684.770.523	-
Công ty TNHH BMS Thành Nam	-	228.000.240
Vay trong kỳ	12.104.248.587	6.572.331.141
Ông Đào Ngọc Thanh	3.402.663.490	363.957.755
Bà Đinh Thị Minh Hằng	2.501.585.097	5.947.474.813
Ông Trần Trọng Đại	6.200.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	260.898.573
Chi phí lãi vay	71.112.006	789.331.141
Ông Đào Ngọc Thanh	69.526.909	363.957.755
Bà Đinh Thị Minh Hằng	1.585.097	267.474.813
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	157.898.573
Cổ tức và lợi nhuận được chia	29.736.945.000	742.548.000
Công ty CP Tập đoàn ECOPARK	-	682.548.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	15.768.045.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển bất động sản Hudland	-	60.000.000
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana (đổi tên từ Công ty CP Tư vấn xây dựng Nam Thành Đô)	13.968.900.000	-

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

e) Số dư với các bên liên quan	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu khách hàng	63.485.244.886	76.396.254.348
Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	2.475.672.835	2.668.840.496
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana (đổi tên từ Công ty CP Tư vấn xây dựng Nam Thành Đô)	37.553.984	56.353.240
Ông Đào Ngọc Thanh	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	552.931.177	552.931.177
Công ty CP Đầu tư phát triển bất động sản Hudland	4.951.412.051	4.135.894.351
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	19.816.474	10.116.816
Công ty CP Xây dựng Cotana	60.884.868	-
Công ty TNHH BMS Thành Nam	-	29.933.061
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	1.699.178.225	1.664.721.982
Công ty CP Xây dựng hạ tầng Cotana	75.856.270	35.699.968
Công ty CP Tập đoàn ECOPARK	51.062.486.742	64.692.310.997
Công ty CP Đầu tư King's Land	49.452.260	49.452.260
Trả trước cho người bán	3.676.393.420	240.940.656
Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	99.522.000	99.522.000
Công ty CP Xây dựng Cotana	3.435.452.764	-
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	141.418.656	141.418.656
Phải thu khác	6.773.318.042	6.757.318.042
Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Cotana	6.773.318.042	6.757.318.042
Phải trả người bán	18.478.969.733	21.634.691.947
Công ty TNHH Kính Thành Nam	3.573.176.543	3.573.176.543
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Cotana	13.933.669.044	16.877.173.991
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	694.128.343	530.791.395
Công ty CP Xây dựng Cotana	-	375.554.215
Công ty TNHH BMS Thành Nam	277.995.803	277.995.803
Doanh thu chưa thực hiện	5.425.855.565	5.502.694.328
Công ty CP Tư vấn xây dựng Cotana (đổi tên từ Công ty CP Tư vấn xây dựng Nam Thành Đô)	1.977.321.387	2.002.999.387
Công ty CP Đầu tư phát triển công nghệ Thành Nam	961.913.766	974.089.890
Công ty CP Kiến trúc cảnh quan Cotana Green	-	6.690.909
Công ty Cổ phần Xây dựng Cotana	1.262.419.453	1.278.814.509
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Cotana	782.679.996	792.844.670
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Cotana	441.520.963	447.254.963
Phải trả khác	10.058.816.484	10.058.816.484
Ông Đào Ngọc Thanh	10.058.816.484	10.058.816.484

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Các khoản vay	3.615.455.790	533.062.106
Bà Đinh Thị Minh Hằng	41.088.735	39.582.893
Ông Đào Ngọc Thanh	3.574.367.055	493.479.213

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	2.016.461.539	1.836.675.000
Lãi tiền vay	71.112.006	789.331.141
Cộng	2.087.573.545	2.626.006.141

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.18. trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản vay	88.619.236.338	62.882.602.609
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	17.921.044.404	96.637.336.395
Nợ thuần	70.698.191.934	(33.754.733.786)
Vốn chủ sở hữu	256.209.292.472	246.456.996.146
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	28%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.921.044.404	96.637.336.395

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Phải thu khách hàng và phải thu khác	310.293.604.458	314.995.817.129
Các khoản đầu tư tài chính	35.841.439.307	35.851.749.363
Cộng	364.056.088.169	447.484.902.887
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	88.619.236.338	62.882.602.609
Phải trả người bán và phải trả khác	160.739.537.749	192.686.876.023
Chi phí phải trả	7.848.034.982	15.272.816.855
Cộng	257.206.809.069	270.842.295.487

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty không thực hiện các biện pháp Phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện Phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2019	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	
Phải trả người bán và phải trả khác	148.646.058.952	12.093.478.797	160.739.537.749
Chi phí phải trả	7.848.034.982	-	7.848.034.982
Các khoản vay	66.852.613.942	21.766.622.396	88.619.236.338
01/01/2019	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	180.569.853.805	12.117.022.218	192.686.876.023
Chi phí phải trả	15.272.816.855	-	15.272.816.855
Các khoản vay	57.431.243.188	5.451.359.421	62.882.602.609

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2019	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.921.044.404	-	17.921.044.404
Các khoản đầu tư tài chính	25.000.016.200	10.841.423.107	35.841.439.307
Phải thu khách hàng và phải thu khác	308.902.614.020	1.390.990.438	310.293.604.458
01/01/2019	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.637.336.395	-	96.637.336.395
Các khoản đầu tư tài chính	25.000.016.200	10.851.733.163	35.851.749.363
Phải thu khách hàng và phải thu khác	313.604.826.691	1.390.990.438	314.995.817.129

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2019
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN COTANA

Người lập biểu



Nguyễn Thị Oanh

Kế toán trưởng



Trần Trọng Đại

Phó Tổng giám đốc



Đinh Thị Minh Hằng